

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2020/HNGĐ-PT**

Ngày 19-5-2020.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Xuân Bằng

*Các thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Bà Nguyễn Thị Kim Hằng

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hòa – Thư ký Tòa án

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình:*** Bà Vũ Thị Lan Anh -  
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2019/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”.

Do bản án sơ thẩm số: 48/2019/HNGĐ - ST ngày 17-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02A/2020/QĐ – PT, ngày 03-02-2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2020/QĐ-PT, ngày 24-02-2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14A/2020/QĐ-PT, ngày 23-3-2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 17A/2020/QĐ-PT, ngày 23-4-2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Chu Thị Kim C, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Trình Hoàng, xã Vũ Lễ, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn Trình Hoàng, xã Vũ Lễ, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

3. Người kháng cáo: Anh Trần Văn H là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Chu Thị Kim C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn H tự nguyện kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vũ Lễ, huyện Kiến Xương vào ngày 31/3/2015. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về cách sống và kinh tế, anh H đi làm nhưng không đưa tiền cho chị để nuôi con. Chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó, anh H có tìm gọi nhưng chị không còn tình cảm, thấy chung sống với anh H không có hạnh phúc nên chị không quay trở về đoàn tụ và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về quan hệ con chung: Chị và anh H có một con chung tên Trần Đại Q, sinh ngày 30/7/2017. Từ khi sống ly thân đến ngày 28/7/2019 cháu Q ở với chị, sau đó anh H đến gây sự với chị và gia đình nên buộc chị phải đồng ý để anh H đón con về nuôi. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh H góp tiền cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng, vì cháu Q còn nhỏ cần sự chăm sóc của chị, hiện chị là công nhân công ty may tại Thành phố Thái Bình, thu nhập từ 5.000.000 đồng, đến 7.000.000 đồng/tháng, thời gian làm việc hàng ngày từ 07 giờ 30 phút đến 17 giờ.

Về tài sản và nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí về thời gian kết hôn, thời điểm phát sinh mâu thuẫn như chị C khai, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị C không đồng ý cho anh lên TP Hà Nội làm nhôm kính giúp em gái, từ khi chị C về nhà bố mẹ đẻ anh đã tìm gọi nhiều lần nhưng chị cương quyết không về, anh xác định không trở về đoàn tụ được nên nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh và chị C có một con chung như chị C khai, anh đề nghị được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị C góp tiền cấp dưỡng nuôi con vì anh thấy trong thời gian cháu Q ở với chị sức khỏe của cháu không đảm bảo, chị C đi làm công nhân không có thời gian chăm con. Còn anh ban ngày làm thợ nhôm kính, buổi tối anh đi lái xe thuê đều trên TP Hà Nội thời gian làm việc hàng ngày từ 07 giờ 30 phút đến 20 giờ, tổng thu nhập 11.000.000 đồng/ tháng. Hiện nay anh đã đưa cháu Q lên TP. Hà Nội thuê nhà ở và nhờ mẹ anh là bà Đặng Thị T chăm sóc.

Về tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án sơ thẩm số: 48/2019/HNGĐ-ST ngày 17-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Chu Thị Kim C được ly hôn anh Trần Văn H.

2. Quan hệ con chung: Giao con chung Trần Đại Q, sinh ngày 30/7/2017 cho chị Chu Thị Kim C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn H góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị C 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng, kể từ tháng 10/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi và có quyền thăm nom con chung.

3. Quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28-10-2019, bị đơn anh Trần Văn H kháng cáo bản án sơ thẩm về phần quan hệ con chung, anh Hyêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết giao con chung là Trần Đại Q cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Trần Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Trần Văn H thì thấy, Chị Chu Thị Kim C và anh Trần Văn H có 01 con chung là Trần Đại Q, sinh ngày 30-7-2017. Ly hôn, chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 10-2019 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, anh H cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con cùng anh, chị C và anh H đều có sức khỏe, có việc làm, có thu nhập hàng tháng, có chỗ ở ổn định và có khả năng nuôi dạy con chung. Xong con chung Trần Đại Q, sinh ngày 30-7-2017 chưa đủ 36 tháng tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ (chị C).

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung và giao con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị C là 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 10-2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi, là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn anh H không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ pháp luật. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Trần Văn H giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Áp dụng 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2014, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Trần Văn H không được chấp nhận, anh Trần Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.**Căn cứ vào, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Trần Văn H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 48/2019/HNGĐ - ST ngày 17 -10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

**2.**Áp dụng: Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Xử: Giao con chung Trần Đại Q, sinh ngày 30-7-2017 cho chị Chu Thị Kim C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn H có nghĩa vụ góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Chu Thị Kim C 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng, kể từ tháng 10-2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Các bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

**3.** Về án phí: Áp dụng 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2014, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Anh Trần Văn H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm mà anh Trần Văn H đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0001455 ngày 29-10-2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí.

**4.** Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án*

*hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.**

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND h. Kiến Xương;
- Chi cục THADS h. Kiến Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã Vũ Lễ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Xuân Bằng**